

## TU BA NGHIỆP

### Giảng tại Tu viện Kim Cang - Mỹ - 2000

Chúng ta tu Phật ai cũng nhắm đến chỗ giải thoát sanh tử. Muốn cầu giải thoát sanh tử thì phải biết nguyên nhân dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử. Vì vậy hôm nay chúng tôi nói về đề tài Tu ba nghiệp, bởi ba nghiệp chính là nguyên nhân dẫn chúng ta trôi lăn trong sanh tử.

Trước khi đi sâu vào vấn đề, tôi dẫn một ít câu thơ của thi hào Nguyễn Du trong truyện Kiều:

Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách cứ trời gần trời xa.

Thi hào họ Nguyễn có cái nhìn rất thấm nhuần đạo Phật, ông đã hiểu đã nắm vững tại sao con người phải chịu khổ vui. Điều đó xưa kia Tổ tiên ta cứ ngỡ do Thượng đế cả, Ngài ban vui hoặc phạt khổ. Nhưng với cái nhìn của đạo Phật thì không phải vậy, mà đó là do nghiệp. Chúng ta đã tạo nghiệp nào thì nó sẽ lôi dẫn mình đi tới chỗ an vui hoặc đau khổ. Từ ngàn xưa, những nhân vật đại diện cho các tư tưởng lớn Việt Nam đã có tầm hiểu biết về đạo Phật sâu rộng như thế.

Đến như quần chúng Việt Nam, mỗi khi thấy người thân quen gặp khổ nạn, thường hay thốt câu “Tội nghiệp anh (chị) quá!” Hai chữ Tội nghiệp đơn giản mà chứa đầy đủ ý nghĩa. Tội là sự xấu ác, Nghiệp là sức mạnh lôi dẫn người tạo tội đi tới chỗ thọ khổ. Như vậy, khổ không phải bỗng dưng có mà do nghiệp mình tạo, nên ngày nay mới thọ quả.

Nhiều người cho rằng kẻ ấy hồi xưa xấu ác nên bây giờ chịu khổ là đáng kiếp. Nghĩ như vậy không phải là Phật tử, vì người con Phật lúc nào cũng chứa chan lòng từ bi. Thấy người khổ, dù ở hoàn cảnh nào cũng thương hết. Dù xưa kia họ có tạo nghiệp ác, nhưng ngày nay thấy họ khổ ta đều xót xa, không nở bỏ qua. Vì vậy dùng từ “Tội nghiệp” với lòng chân thành hiền hòa, ai khổ mình cũng thương.

Chữ “Nghiệp” nguyên tiếng Phạn là Karma, Trung Hoa dịch là Nghiệp. Nghiệp là thói quen do ta thực hành liên tục một công việc nào đó trong một thời gian dài. Người Việt Nam dùng chữ “Nghiệp” rất đúng. Thí dụ hai người cùng làm nghề thợ mộc, họ gọi nhau là bạn “đồng nghiệp”. Hoặc thầy giáo cô giáo gặp nhau, giới thiệu với bạn bè mình: “Đây là bạn đồng nghiệp của tôi”.

Nói tới nghiệp thì tôi đi xa hơn một chút. Có nhiều người nghĩ rằng làm ra tiền của để lại cho con cháu nó hưởng. Nhưng trên thực tế, điều đó không phải

lúc nào cũng đúng như ý muốn. Bởi vì tiền của là vật bên ngoài, dễ bị mất mát. Ngày nay nó đang là của mình, nhưng bất cứ lúc nào có sự chuyển biến thì nó thành của người khác. Chỉ có tạo nghiệp lành hoặc nghiệp dữ, cái đó mới trung thành với chúng ta.

Thí dụ như có ba người, một thợ mộc, một thợ hồ và một bác sĩ cùng qua sông trên một chuyến đò. Cả ba đều có mang theo những vật dụng của mình. Khi ra tới giữa sông đò bị chìm, đồ đạc mang theo mất hết, chỉ ba người còn sống sót. Họ bắt đầu gầy dựng lại của cải bằng nghề nghiệp của mình. Như vậy, của cải bên ngoài có thể bị mất mát, nhưng nghề nghiệp không bao giờ mất.

Chúng ta muốn để lại cho mai sau không mất thì phải tạo nghiệp lành. Nghiệp lành không ai lấy được, còn của cải có khi bị ăn cắp, hoặc mất do nạn lửa nước v.v... Cho nên nghiệp hết sức quan trọng, quyết định dòng luân hồi sanh tử của chúng ta, nó là sợi dây cột trói con người rất chặt, khó có thể thoát ra được.

Nghiệp từ đâu mà có? Trong nhà Phật nói nghiệp đến từ ba chỗ: thân, miệng và ý. Thân làm điều tốt điều lành gọi là tạo nghiệp lành, làm điều xấu dữ gọi là tạo nghiệp ác. Miệng nói lời tốt lành là tạo nghiệp lành, nói lời ác dữ là tạo nghiệp ác. Ý nghĩ điều hay lẽ phải là tạo nghiệp lành, nghĩ điều xấu dở là tạo nghiệp ác.

Chúng ta tạo nghiệp, để rồi bị nghiệp dẫn trở lại, xoay vần như thế mãi. Đúng như lời cụ Nguyễn Du nói “đã mang lấy nghiệp vào thân, thì đừng trách lẫn trời gần trời xa”. Trời không chen vào cái khổ vui của mình, mà chính nghiệp lành nghiệp dữ của mình đưa đẩy ta tới chỗ khổ vui. Ví dụ cụ thể như những người tập uống rượu, mỗi ngày uống một ly, hai ly, uống lâu thành ghiền. Ghiền gọi là nghiệp. Hoặc người tập đi chùa, tụng kinh mỗi ngày quen rồi, bữa nào không đi thấy buồn, vì nó đã thành nghiệp. Nghiệp uống rượu, nghiệp đi chùa. Nhưng uống rượu là nghiệp xấu, còn đi chùa nghe kinh học đạo là nghiệp lành. Cả hai đều là nghiệp, nhưng một bên đưa tới chỗ thanh thân sáng suốt, một bên đưa tới chỗ si tối hiểm nguy.

Rõ ràng chúng ta tạo nghiệp, rồi nghiệp dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử. Cho nên Phật dạy phải tránh những nghiệp dữ ác. Phật tử sau khi qui y rồi, Phật cấm không được làm năm điều: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, đó là tránh nghiệp ác của thân, chặn đứng cho ta khỏi rơi vào chỗ hiểm nguy đau khổ. Như vậy thì ba cái này mình không làm là mình giữ được thân không tạo tội ác. Phật cấm uống rượu và nói dối, đó là tránh nghiệp ác của miệng. Nói đủ miệng có tới bốn điều: nói dối, nói hai lưỡi, nói hung dữ, nói thêu dệt. Khi

tu khá Phật tử giữ luôn cả bốn điều trên. Đến ý có ba: tham lam, nóng giận, si mê. Phật dạy người biết tu phải bớt tham lam, bớt nóng giận và bớt si mê. Đó là tu để ba nghiệp của mình càng ngày càng tốt.

Như vậy giai đoạn thứ nhất Phật dạy chúng ta đừng làm những điều đó, tức không tạo nghiệp ác thì khỏi rơi vào đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Không rơi vào ba đường này, khi nhắm mắt ít nhất chúng ta cũng trở lại làm người. Đời này làm người, đời sau cũng trở lại làm người, không thua thiệt gì hết. Chúng ta giữ trọn vẹn những điều này là giữ được vị trí con người.

Tiến lên nữa chúng ta muốn được phước cao hơn con người thì phải thêm: không nói dối, không nói lời hung dữ, không nói lời đâm thọc, không nói thù dật. Ba nghiệp của ý bớt tham, bớt sân, bớt si. Tu như thế chúng ta sẽ vượt lên hơn người, sanh lên các cõi trời. Như vậy càng không làm những điều tội lỗi, càng hưởng được quả lành. Nếu tạo những tội ác nhiều thì phải chịu khổ đau nhiều. Khổ đau và an lạc do chính chúng ta là chủ nhân tạo ra và hưởng lấy, chứ không có thánh thần nào can dự vào hết.

Nhưng Phật tử khi gặp khổ thì kêu trời, kêu Phật, chứ không kêu mình. Chúng ta tạo nhân thì chịu quả, tại sao lại kêu trời, kêu Phật? Như thanh niên còn trẻ mà tập hút á phiện, xì ke, ma túy đến nghiện ngập, khi hết tiền thì ụa mưa vật vã. Cái khổ bị ụa mưa, bị hành hạ đó do ai bày ra? Vậy mà tới chừng khổ lại trách trời trách đất trách xã hội. Trách như thế có đúng không? Đó là vì khi quá khổ rồi nói bướng, chứ không có lẽ thật.

Chúng ta biết tu thì tự chọn lấy con đường để tiến lên, chứ không ai chọn thay cho mình hết. Một chữ Nghiệp cũng đủ để nói lên rõ ràng sự khổ vui do chúng ta tạo thì chúng ta hưởng, chứ không ai khác. Hiểu như vậy ta mới quay lại tu sửa chính mình. Khi gặp cảnh trái ý nghịch lòng, ta tự biết “bởi tôi ngu si nên tôi phải khổ!” Cho nên hiểu rõ ý nghĩa của Nghiệp rồi, chúng ta trở thành người cứng cỏi, mạnh mẽ, dám chịu trách nhiệm về cuộc đời, về những gì mình đã gây tạo. Cho nên tu Phật là tạo cho mình một cơ hội để được tu sửa, đỡ sửa thành hay. Đã hay thì tiến thêm nữa. Đó là ý nghĩa tu.

Riêng nghiệp ý tôi nói “bớt” chứ không nói “hết”, bớt tham, bớt sân, bớt si. Tất cả quý vị có thấy “bớt” là khó không? Ai cũng biết tham lam, nóng giận, si mê là xấu, nhưng không chịu bỏ tức là chấp nhận xấu. Vậy mà có người nói xấu thì giận. Cuộc sống thế gian quả thật mâu thuẫn vô cùng, giữ cái xấu mà ai nói xấu thì không chịu! Cho nên chúng ta phải nhìn thấu đáo được lẽ thật.

Tham, sân, si là cội gốc gây ra đau khổ. Ta biết nó xấu hại, mà không chịu bỏ thì chắc chắn cuộc sống không an ổn. Ví dụ trong nhà, vợ chồng cãi nhau một chút liền nổi nóng lên. Từ việc rất nhỏ, nhưng khi nổi nóng đùng đùng thì nó thành lớn, nhiều khi đi tới tai họa phải ly dị nhau. Như vậy, nóng giận là nhân đau khổ, ta đã biết rõ sao không chịu bỏ bớt? Bớt được một phần là giảm thiểu một phần khổ đau. Cho nên người tu theo đạo Phật là người tìm về nguồn hạnh phúc, nguồn an lạc. Muốn thế, những gì thuộc nhân khổ đau, ta phải trừ bỏ. Trừ bỏ những nhân đó gọi là tu.

Nhiều Phật tử cứ cho rằng tu là ăn chay. Nghe ai ăn chay một tháng hai ngày liền khen “bạn biết tu rồi đó”. Cứ nói ăn chay là tu, mà gốc nóng giận, tham lam, si mê lại không chịu sửa. Đó là tu cái ngọn chứ không phải tu cái gốc, nên tu mà không hết khổ. Nhiều người ở chùa ăn chay mười năm hai chục năm, mà ai nói trái ý cũng la hét um sùm, vậy có tu chưa? Ăn chay trường mà còn nóng giận là chưa phải tu. Chúng ta tu đúng nghĩa tu, chứ không phải tu trên hình thức. Tu hình thức sẽ tạo cho mình nhiều tật xấu lắm. Thí dụ mình ăn chay trường, tới nhà người ăn mặn, ta cầm chén đĩa lên ngửi và chê “Tanh quá!” Thế là mất lòng chủ nhà rồi! Ta cho mình tu hay, khi để người khác, như vậy đâu phải tu hay.

Trong ba nghiệp, chủ động là ý. Ý nghĩ tốt thì miệng nói tốt, thân làm tốt. Ý nghĩ xấu thì miệng nói xấu, thân làm xấu. Tội lỗi hay phước đức đều gốc từ ý mà ra. Cho nên tu bớt tham, bớt sân, bớt si là nhắm ngay gốc của ba nghiệp. Chúng ta biết tu phải cố gắng làm chủ phần nào ba độc tham, sân, si. Làm chủ được chúng thì đời sống bình an, không làm chủ được chúng thì đau khổ liên miên không dứt.

Nếu để tham lam chòng chát trong lòng thì được một đời mười, được mười đời trăm, được trăm đời ngàn, được ngàn đời triệu v.v... cứ thêm hoài, không biết chừng nào mới đủ. Muốn mà bị ngăn trở thì sân, nên nói từ tham sanh sân. Nếu bớt được tham thì không ham muốn nhiều, nên cũng không bị ngăn trở, không sanh sân hận. Chỉ cái tham mà tạo ra bao nhiêu duyên cớ để chúng ta khổ liên tục. Nên bớt tham thì bớt sân. Đó là sự liên hệ giữa tham và sân. Hai thứ này tuy thấy mạnh nhưng gốc của nó là si, nên tôi gọi khác một chút: si, tham, sân.

Ví dụ người nam thấy người nữ có sắc đẹp nên mê đắm. Nếu ai ngăn cản không cho tới lui cưới hỏi thì họ hận thù. Như vậy, vì mê sắc đẹp, muốn chiếm hữu, nếu bị ngăn cản thì oán thù muốn giết hại nhau. Đó là gốc từ si, mới tới tham sân. Người tu Phật phải làm sao đầy đủ trí tuệ để phá dẹp si mê trước. Phá được si rồi thì tham, sân theo đó hết.

Trong nhà Phật có nhiều cách trừ si mê. Thường nhất chúng ta tụng Bát-nhã Tâm Kinh, mở đầu là câu Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách. Nghĩa là Bồ-tát Quán Tự Tại khi thực hành sâu trí tuệ Bát-nhã rồi, Ngài quán thân năm uẩn tự tánh là không, liền qua hết tất cả khổ nạn. Chúng ta tụng kinh Bát-nhã bao nhiêu biến rồi? Khổ nạn có qua hết chưa? Tụng thì rất nhiều mà khổ nạn còn nguyên, chẳng lẽ lời Phật dạy không đúng?

Bởi vì trong Bát-nhã có chia làm ba phần: Văn tự Bát-nhã, Quán chiếu Bát-nhã và Thật tướng Bát-nhã. Văn tự Bát-nhã tức là chữ lời trong kinh, được dụ như một con thuyền. Quán chiếu Bát-nhã tức là xét kỹ. Kinh Bát-nhã dạy phải chiếu kiến ngũ uẩn giai không, tức là soi xét thấu đáo năm uẩn không có tánh thật, mới qua hết khổ nạn. Quán chiếu Bát-nhã được dụ như dầm chèo để bơi. Chúng ta chỉ tụng kinh mà muốn qua hết khổ nạn, chẳng khác nào người muốn qua sông, xuống thuyền ngồi đó không chịu chèo bơi thì chừng nào mới qua sông được. Cũng vậy trước chúng ta đọc văn tự, kẻ phải quán chiếu mới có thể đến chỗ thật tướng, là chỗ rốt ráo viên mãn. Tóm lại Văn tự dụ như con thuyền, Quán chiếu dụ như chèo dầm để bơi, Thật tướng tức đến bờ bên kia. Thế mới gọi là tu Bát-nhã.

Chúng ta tu chỉ có chặng đầu, hai chặng sau bỏ quên. Như vậy chừng nào mới hết khổ? Nên cần phải xem xét lại việc tu của mình cho thấu đáo. Bát-nhã là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là trí tuệ. Dùng trí tuệ soi thấy thân năm uẩn không thật thì mọi khổ nạn đều qua hết. Như khi ta quán sát lại mình, thấy thân tạm bợ giả dối, đủ duyên thì còn, thiếu duyên thì mất. Biết thế rồi có ai khen hoặc chê mình không mừng cũng không giận. Đó là qua hết các khổ. Ngược lại nếu thấy thân thật, người ta khen mình mừng, chê mình giận tức là khổ.

Như vậy muốn phá si mê phải dùng trí tuệ, chứ không phải đọc tụng. Nhưng phần đông Phật tử thích đọc tụng, không chịu dùng trí tuệ quán chiếu. Vì tính cách quan trọng ấy của Bát-nhã nên trong tất cả các chùa, chư Tăng Ni tụng kinh nào, cuối cùng cũng kết thúc bằng bài kinh Bát-nhã. Nhiều người thấy vậy hiểu lầm, cho rằng Bát-nhã là bổ khuyết tâm kinh. Bổ khuyết tức là bù vào chỗ thiếu. Tại sao phải bù? Họ giải thích khi tụng kinh có lúc nhanh quá nên nhiều khi có chỗ thiếu, có chỗ nhầm nên cuối cùng phải tụng bài kinh Bát-nhã để bù lại. Quan niệm đó thật là ngây thơ, không hiểu gì hết.

Bát-nhã là trí tuệ, dù tu Tịnh độ, tu Mật tông hay tu Thiền đều phải có trí tuệ. Vì vậy tu pháp nào cuối cùng cũng phải tụng kinh Bát-nhã. Qua đó đủ thấy tất cả pháp tu của đạo Phật đều nhắm đến mục đích cuối cùng là mở sáng con mắt trí tuệ, để đi tới

giác ngộ giải thoát. Chúng ta hiểu được ý nghĩa đó mới khỏi lầm lẫn những gì Phật dạy.

Chúng ta bớt si thì bớt tham, bớt sân. Tu như thế lần lần ba nghiệp thân, miệng, ý được trong sạch. Nghiệp là một luật rất công bằng. Phật dạy ai gây nghiệp nào thì phải đền trả nghiệp ấy, người khác không thể được. Chúng ta muốn được an vui thì tạo nghiệp lành, muốn đau khổ thì tạo nghiệp dữ, không ai tạo dùm hưởng dùm được cả.

Trong kinh A-hàm nói: Người tu Phật và không tu Phật, nếu làm mười phần lành thì cùng hưởng mười phần tốt, làm mười phần ác thì cùng chịu mười phần xấu. Không phải người không tu Phật làm ác mới chịu khổ, còn người tu Phật làm ác được Phật tha. Mình và người làm điều lành, làm điều dữ đều chịu quả báo công bằng như nhau, không có ân huệ riêng cho người nào. Bởi vì lý nghiệp báo rất bình đẳng cho tất cả mọi loài. Cũng như ngày nay trong các nước văn minh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

Đạo Phật không cho người Phật tử ỷ lại ta là Phật tử, lỡ làm tội sám hối sẽ hết. “Sám hối” nghĩa là chữa bỏ lỗi cũ và không tạo lỗi mới. Người biết sám hối là biết chữa lỗi cũ, không tạo lỗi mới, nhờ thế bớt tội. Người không biết sám hối xưa làm tội nay tiếp tục làm tội, thì tội càng thêm nặng, dù lạy vạn Phật cũng không phải sám hối, không thể nào bớt tội được.

Phật tử không hiểu ý nghĩa hai chữ sám hối nên vừa lạy sám hối xong, về nhà nghĩ: “Bữa nay sám hối rồi, tội lỗi cũ ngang đây xem như xí xóa. Ta bắt đầu làm tội mới, mai mốt sám hối nữa sẽ hết”. Nửa tháng sám hối một lần như vậy thì tha hồ tạo tội, Phật bồi số đều đều, đâu phải lo. Sám hối như vậy có hết tội không? Chẳng những không hết mà tội ngày càng chất chồng thêm. Phải hiểu sám hối là chuyển nghiệp của mình. Người biết tu nhận định rõ ràng nghiệp lành đưa tới chỗ an vui, nghiệp dữ đưa tới đau khổ. Nên từ bỏ những nghiệp dữ, tu tạo các nghiệp lành thì được sanh cõi trời, người an vui hạnh phúc. Nếu chọn con đường sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối... thì kết quả sẽ đi xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Chúng ta là chủ nhân để chọn con đường của mình, lên hay xuống tùy ta định liệu. Đức Phật được gọi là Đấng Đạo sư tức người chỉ đường, chứ không phải người đón đưa mình đi lên hay đẩy đưa mình đi xuống.

Nếu chúng ta can đảm muốn vượt lên tới chỗ cuối cùng thì đối với cả hai loại nghiệp đi lên và đi xuống này đều bỏ luôn, dừng hết. Lúc đó ta đi đâu? Dừng nghiệp đi xuống và bỏ cả nghiệp đi lên, chỗ này nhiều người sợ lắm, không biết đi đâu? Bởi chúng ta quen mong đời này tu đời sau hưởng phước, vì vậy thấy tạo nghiệp đi lên để chấp nhận. Bây giờ

Phật dạy chỗ rốt ráo không tạo nghiệp đi xuống, cũng không tạo nghiệp đi lên, không biết phải đi đâu? Đó là giải thoát sanh tử, còn đi đâu nữa.

Như tôi đã nói trong ba nghiệp, ý nghiệp là chủ. Ý nghĩ ác, nghĩ lành, nghĩ đủ thứ. Bởi nghĩ ác nên đi xuống đường dữ, nghĩ thiện nên đi lên đường lành. Bây giờ cả hai đường dữ và lành đều dừng hết tức là dứt mầm sanh tử, giải thoát sanh tử. Đây chính là mục đích cuối cùng chúng ta mong muốn, sao bây giờ lại nghi ngại? Trong kinh Tịnh độ nói Tam nghiệp thường thanh tịnh, đồng Phật vắng Tây phương: ba nghiệp thường trong sạch thì đồng với chư Phật về cõi Phật. Nghiệp sạch mới về cõi Phật được chứ.

Với người tu thiền, muốn ra khỏi sanh tử luân hồi, Phật dạy phải buông hết những vọng niệm lăng xăng xấu ác cũng như hiền thiện. Hai hướng đó dừng hết là dứt sạch nghiệp. Dứt nghiệp là giải thoát sanh tử. Nói tóm lại, ai muốn được hưởng đời sau sung sướng thì tu nghiệp lành, ai muốn hưởng sung sướng mà tạo nghiệp ác thì phải chịu quả khổ, còn người muốn giải thoát sanh tử, ra khỏi luân hồi lục đạo thì phải dứt sạch nghiệp. Mà chủ động của nghiệp là ý, nên phải dừng từ ý. Chẳng những không tham, không sân, không si, mà tất cả ý niệm đều phải sạch. Dừng được như vậy mới giải thoát sanh tử.

Lục Tổ Huệ Năng khi được Ngũ Tổ truyền y bát rồi, Ngài đi về phương Nam. Mọi người hay được tức giận đuổi theo để giành y bát, vì cho rằng Lục Tổ chỉ là một gã cư sĩ quê dốt không đủ tư cách đảm nhận y bát và làm Tổ kế tiếp. Trong số ấy có thượng tọa Minh, xưa là võ tướng phi ngựa rất nhanh nên đuổi kịp. Lục Tổ thấy có người đuổi theo, biết được ý họ nên Ngài để y bát trên bàn thạch, nghĩ rằng: “Y bát là vật biểu tín, không phải trọng tâm của sự giác ngộ, họ cố giành thời ta để lại”. Ngài liền trốn vô lùm cây. Huệ Minh tới nơi thấy y bát trên bàn thạch mừng quá, xuống ngựa ôm lên nhưng ôm không nổi. Chừng đó mới giật mình biết đây là vật nhiệm màu, người thường không thể chạm đến. Ngay đó ông thức tỉnh, đổi tâm giành y bát thành tâm cầu pháp, bèn kêu: “Hành giả! Hành giả! Tôi tới đây vì pháp chứ không phải vì y bát”. Nghe thế Lục Tổ mới từ trong bụi chui ra nói: “Nếu ông vì pháp thì hãy đứng yên lặng giây lâu, tôi sẽ nói pháp cho nghe”. Thượng tọa Minh đứng yên lặng giây lâu, Tổ nói: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” Ngay câu nói đó Thượng tọa Minh liền ngộ đạo.

Nghĩ thiện, nghĩ ác là hai đường lên và xuống, bây giờ dứt hai đường đó, tâm lặng lẽ chính là mặt thật xưa nay của mình hiện tiền. Như khi ta ngồi ngoài vườn một mình có bóng mát và khí trời thanh thản, lòng không nghĩ suy gì hết. Ngay lúc đó có mình

không? Mình ra sao? Chúng ta cứ ngỡ suy nghĩ hơn thua, phải quấy, tốt xấu là tâm mình, nếu không có nghĩ suy thì không có mình. Thật ra không phải vậy. Tâm nghĩ suy hơn thua phải quấy là tâm sinh diệt, tâm tạp nhạp, không phải mình. Hằng ngày ta nói “tôi nhớ” hoặc “tôi thương”. Có ai làm trái ý thì nói “tôi giận”... Như vậy, buồn thương giận ghét cái nào là mình? Nếu cái nào cũng là mình hết thì ta có mấy chục mình? Từ khi cha mẹ sanh ra cho tới ngày ta nhắm mắt mình là một hay nhiều? Ai cũng biết chỉ có một “mình” thôi, vậy tại sao lại cho cả trăm thứ buồn thương giận ghét đều là mình? Chính vì lầm nhận như thế nên ta không thấy được mặt mày thật của mình.

Khi ta không nghĩ suy gì hết, gió thổi mát mình biết mát, tiếng chim kêu mình nghe, bóng người đi mình thấy... Như vậy ta luôn “biết” một cách rõ ràng, không nhầm lẫn chút nào. Phật bảo tâm là cái “biết” ấy. Tuy nhiên, phải hiểu cái biết được chia làm hai loại chơn tâm và vọng tâm. Tâm biết sinh diệt liên tục từ cái này tới cái kia là tâm hư vọng. Còn tâm biết không sanh không diệt, rỗng rang, không hình không tướng là chơn tâm. Như vậy khi ta không nghĩ suy mà vẫn biết, đó là tâm thật hiện tiền, gọi là “bản lai diện mục.” Chỉ khi nào yên hết các thứ lăng xăng lộn xộn ta mới nhận ra tâm thật này.

Người tu thiền hay tu niệm Phật... đều đi tới chỗ phải lặng hết những nghĩ suy, để tâm yên tịnh, trong sáng không dấy động, đó là trở về tâm thật hiện tiền của mình. Mình có tâm đó mà không nhớ, không biết nên bây giờ phải cố gắng dẹp các loạn tưởng để tâm ấy hiện ra. Do đó, niệm Phật muốn được thành công thì phải nhất tâm. Người tu thiền phải định mới dừng hết tán loạn. Chừng đó tâm thật của chính mình tự nhiên hiện bày. Lâu nay ta có sẵn tâm ấy, nhưng nó bị lẫn khuất trong đám nghĩ suy lăng xăng lộn xộn nên ta không nhận ra.

Hiện giờ chúng ta vì dùng tâm điên đảo nên tạo nghiệp này nghiệp nọ, sanh cõi này cõi kia liên miên không dừng. Phật dạy muốn giải thoát sanh tử phải dừng tâm đó, lặng nó đi thì mới giải thoát sanh tử được. Ý nghĩa này hết sức rõ ràng, nhưng người tu Phật ít khi chú ý, ít khi nghĩ tới.

Thiền sư Nam Tuyền - Phổ Nguyên có một đệ tử đến xin học đạo là Ngài Triệu Châu Tùng Thẩm. Lúc đó ngài Triệu Châu còn nhỏ, là Sa-di. Thiền sư Nam Tuyền hỏi:

- Ông là Sa-di có chủ hay Sa-di không chủ?

Ngài Triệu Châu thưa:

- Bạch Hòa thượng, con là Sa-di có chủ.

Ngài Nam Tuyền hỏi:

- Chủ ở đâu?

Triệu Châu liền chấp tay thưa:

- Mùa đông giá rét, kính chúc Hòa thượng được trăm tuổi.

Ngài Nam Tuyền gật đầu. Hôm khác, ngài Triệu Châu hỏi thầy:

- Thế nào là đạo?

Ngài Nam Tuyền trả lời:

- Tâm bình thường là đạo.

Ngay đó Ngài Triệu Châu liền ngộ. Câu trả lời nghe đơn giản quá chừng! Người xưa không giấu diếm chúng ta điều gì, chỉ tại mình không hiểu thôi. Nghe nói “tâm bình thường” thấy dễ quá, mình cũng bình thường sao không thấy đạo? Chúng ta có tâm bình thường chưa? Tâm chưa bình thường tức là bất thường. Tâm bất thường là tâm điên đảo, đã điên đảo thì làm sao thấy đạo được? Bởi vậy Phật nói chúng sanh điên đảo, sống mà không thấy được lẽ thực, nên chịu đau khổ. Nhưng chúng sanh có ai nhận mình điên đảo đâu?

Những nghĩ suy phải quấy, tốt xấu, hơn thua... luôn luôn chạy vùn vụt trong đầu ta không dừng nên lẽ thật bị che khuất. Bây giờ muốn thấy lẽ thật, thì phải dừng nó lại. Dừng nó lại lẽ thật tự hiện, không cần tìm kiếm ở đâu hết. Chữ “Đạo” là chân lý, cũng gọi là Phật tánh. Tánh Phật của chúng ta sẵn đó mà mình không biết, cứ chạy tìm nơi này nơi kia. Thật sự, chỉ cần dừng tâm niệm thiện ác hai bên thì tánh Phật hiện ra. Như vậy, có người nào không đủ khả năng thành Phật không? Chúng ta là Phật con, chỉ vì chưa phát hiện được thôi, chứ đã có chủng tử sẵn rồi, nên Phật dùng từ “Phật tử” tức Phật con.

Hiểu chỗ này rồi chúng ta mới thấy tu là chuyển dần từ con người phạm tục si mê, thành con người giác ngộ sáng suốt. Chữ không phải tu đứng khựng một chỗ, chờ hết năm hết tháng chết rồi, đời sau sanh ra sướng hơn đời này một chút, thế là hài lòng. Có những người giàu sang bằng năm mươi lần mình nhưng họ vẫn kêu khổ như thường. Bởi khổ đã nằm sẵn nơi thân tạm bợ này rồi, sanh lão bệnh tử khổ. Cuối cùng tất cả đều là một thân thối. Gày cũng thối, mập cũng thối, đen cũng thối, trắng cũng thối, giàu cũng thối, nghèo cũng thối, chứ có người nào khác hơn đâu. Con đường đi tới của mọi người đều giống hệt nhau, không có sự khác biệt. Chỉ ai biết tu, biết chuyển nghiệp, dứt nghiệp thì mới đổi khác.

Nghiệp do tâm nghĩ lành hoặc nghĩ dữ tạo ra, lâu nay chúng ta làm tưởng nó thật. Sự thật không phải

vậy. Tổ Đạo Tín, đệ tử tổ Tăng Xán Ngài còn là Sa-di, đến dâng lễ thưa với tổ Tăng Xán:

- Bạch Hòa thượng, xin Ngài dạy cho con pháp môn giải thoát.

Tổ Tăng Xán nhìn thẳng vào mặt ngài Đạo Tín hỏi:

- Ai trói buộc ngươi?

- Thưa không ai trói buộc con.

- Đã không ai trói buộc, cầu giải thoát làm gì?

Ngay đó ngài Đạo Tín ngộ đạo.

Chúng ta thấy nghiệp là từ ý niệm, mà ý niệm không thật nên nghiệp cũng không thật. Ngài Đạo Tín tưởng có một cái gì thật trói buộc khiến mình không giải thoát. Khi Tổ hỏi: “Ai trói buộc ngươi?” Ngài Đạo Tín nhìn lại, thấy không ai trói buộc nên thưa với Tổ: “Không ai trói buộc con”. Tổ bảo: “Đã không ai trói buộc, cầu giải thoát làm gì?” Ngay đó Ngài được tự tại.

Nhìn lại chúng ta có nhiều lầm lỗi đáng thương. Thí dụ thấy người đó dễ thương ta liền khởi niệm thương. Niệm thương ấy lôi kéo, khiến mình đuổi theo người kia. Nếu họ không thương lại thì mình khổ, rồi đổ thừa tại nghiệp tôi nó vậy. Đáng cười nhất là trong chùa, mấy thầy trẻ trẻ gặp bỗng đạo dễ thương, thế là rủ nhau ra đời. Nếu ai hỏi tại sao đang tu mà ra đời, thì trả lời tại nghiệp lôi. Nghiệp không thật, làm sao lôi mình được, nhưng vì mình theo nó nên nó thành thật. Vì vậy ngài Khuê Phong nói: “Nghiệp” thể không mà thành sự. Thể tức bản chất của nghiệp là không, nhưng khi ý khởi tốt xấu, rồi nói làm theo đó nên thành nghiệp. Biết bản chất của nghiệp không thật, chúng ta không theo nó, không gây tạo thì dứt nghiệp. Còn nếu theo nó, gây tạo thì nó kéo chúng ta đi hoài.

Mọi người ở thế gian đều đi theo nghiệp. Nghiệp giống như sợi dây xoắn mũi, nó lôi đầu mình đi đó, không cưỡng lại được nên trầm luân muôn kiếp. Ngày nay, chúng ta tu theo Phật thì phải dứt sạch nghiệp, chuyển mê làm thành giác ngộ. Khi không nghĩ thiện không nghĩ ác chúng ta vẫn hiện tiền chứ không mất. Chúng ta là chủ đi trong luân hồi sanh tử chúng ta cũng là chủ để giải thoát luân hồi sanh tử. Biết rõ như vậy là chúng ta biết tu.

Chúc tất cả dứt sạch ba nghiệp để được an vui tự tại ngay giữa cõi đời đau khổ này. Đó là mục đích cuối cùng của người tu Phật chúng ta vậy.

